TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 579/2023/HNGĐ-ST
Ngày 22/9/2023
V/v *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình- Xin ly hôn, nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm cá
Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Chuyên
Các Hội thẩm nhân dân:
ÔngVõ Minh Tuấn
Ông Hà Bửu Khánh

- ***Thư ký phiên Tòa***: Bà Huỳnh Thị Phượnglà thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng :*** Nguyễn Thị Diễm Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023,tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số : 325/2023/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 5 năm 2023, vụ tranh chấp Hôn nhân và gia đình"Xin ly hôn , về nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số : 281/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 8 năm 2023, giữa :

1.Nguyên đơn: Chị Thị Cẩm H, sinh năm: 1984; địa chỉ: ấp H, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2.Bị đơn: Anh Danh T, sinh năm: 1981 ;địa chỉ: ấp H, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/3/2023và tại phiên tòa nguyên đơn chị Thị Cẩm H trình bày:

Chị và anh Danh T trước khi lấy nhau không tìm hiểu trước mà do mai mối và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào ngày 09/4/2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N vào ngày 30/10/2006. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T đi làm máy cắt thường xuyên không về nhà, dẫn đến vợ chồng cự cãi nhau không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Sau đó, anh T đi làm ăn ở Bình Dương rồi không về sống chung với chị và ly thân từ năm 2019 cho đến nay nên chị yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Danh T; Về con chung: Có 03 con chung tên Thị Thanh T1 - sinh ngày 29/4/2006, Thị Hồng T2 - sinh ngày 28/3/2009, Thị Anh

T3– sinh ngày 13/8/2016, hiện các con đang ở với chị, chị xin được nuôi 03 con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con ; Về tài sản chung ,nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Danh T đã được Tòa án triệu tập lấy lời khai , thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau: Quá trình thụ lý vụ án, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Tòa án tiến hành đúng theo quy định của pháp luật, xác định đúng quan hệ tranh chấp, đương sự trong vụ án và tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự. Các đương sự cũng chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa hôm nay đối chiếu với các quy định của pháp luật, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng nhận thấy như sau:

Về hôn nhân chị H và anh T trước khi cưới không tìm hiểu trước mà do mai mối, hai bên tổ chức đám cưới vào ngày 09/4/2005, có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau, do anh T không quan tâm chăm sóc vợ con, đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay chị H cương quyết xin ly hôn xét thấy hôn nhân của chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Hvà anh T được ly hôn; Về con chung: Có 03 đứa, chị H xin được nuôi con, anh T không tới lui chăm sóc đề nghị cho chị H tiếp tục nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí: Chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng : Chị Thị Cẩm H yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình "Xin ly hôn, nuôi con chung" giữa chị và anh T. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng là đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

Anh T đã nhận được các thủ tục tố tụng Tòa án tống đạt nhưng anh không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án và cũng không tham gia phiên công khai chứng cứ, phiên hòa giải , vắng mặt tại phiên tòa không có lý do . Xét thấy việc vắng mặt của anh T không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Danh T.

[2]. Về nội dung:

{2.1} Về hôn nhân: Chị H và anh T trước khi lấy nhau không tìm hiểu trước mà do mai mối và được hai bên gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới vào ngày 09/4/2005, anh chị có đăng kí kết hôn vào ngày 30/10/2006 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện

G, tỉnh Kiên Giang nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Tuy nhiên, quá trình chung sống anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, không quan tâm chăm sóc nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, anh T bỏ đi làm ăn ở Bình Dương không chịu về sống chung với chị H, vợ chồng cũng tự hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Chị H và anh T đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Tòa án đã tiến hành tống đạt các thủ tục tố tụng cho anh T nhưng anh không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án biết về việc chị H xin ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân của anh chị phải được xây dựng trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, bền vững lâu dài, vợ chồng cùng quan tâm chăm sóc lẫn nhau, kể từ khi chị H và anh T sống ly thân cho đến nay, anh chị không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa, mạnh ai người đó sống.Như vậy, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Xử chấp nhận cho chị Thị Cẩm H được ly hôn với anh Danh T.

{2.2}.Về con chung: Anh chị có 03 người con chung tên Thị Thanh T1 - sinh ngày 29/4/2006, Thị Hồng T2 - sinh ngày 28/3/2009, Thị Anh T3– sinh ngày 13/8/2016, hiện 03 cháu đang ở với chị H, chị xin được nuôi 03 cháu, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý cho anh T nhưng anh T không thể hiện ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án về việc chị H xin được nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng từ khi chị H và anh T sống ly thân cho đến nay, các cháu T1, T2 và cháu T3 sống với chị H, chị vẫn chăm sóc ch o các cháu phát triển tốt về mặt thể chất lẫn tinh thần , anh T không tới lui thăm nom chăm sóc mà để mặc chị H nuôi con. Mặt khác, tại bản tự khai cháu T1, cháu T2 có nguyện vọng sau khi cha mẹ ly hôn các cháu xin được ở với mẹ, việc tự nguyện trên của cháu không bị ép buộc. Ngoài ra, xét về khả năng kinh tế tại phiên tòa hôm nay chị H xác định có thu nhập ổn định từ việc làm ruộng, buôn bán nên đảm bảo cho việc chăm sóc nuôi dạy con. Cho nên, áp dụngkhoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình; Xử giao cháu các cháu T1, T2 và cháu T3 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

{2.3}Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự , điểm a khoản 5 Điều 27của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng áp phí lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn sơ thẩm chị Thị Cẩm H phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 8125ngày 18/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng . Chị H đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39,khoản 4 Điều 147,điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1

Điều 56, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng ánphí lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Thị Cẩm H được ly hôn với anh Danh T.

2. Về con chung: Xử giao các cháu Thị Thanh T1 - sinh ngày 29/4/2006, Thị Hồng T2 - sinh ngày 28/3/2009, Thị Anh T3– sinh ngày 13/8/2016cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3.Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về án phí:Án phí ly hôn sơ thẩm chị Thị Cẩm H phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 8125 ngày 18/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị H đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày; chị H được tính kể ngày tuyên án (ngày 22/9/2023). Anh T được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết của Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Chuyên

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh;*
- *VKSND tỉnh, huyện;*
- *Chi cục thi hành án;*
- *Đương sự;*
- *UBND xã;*
- *Lưu hồ sơ, Văn phòng*